

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/KDTM-PT

Ngày: 25 - 10 - 2018

V/v “*Tranh chấp giữa các thành viên  
công ty liên quan đến việc thành lập,  
hoạt động công ty*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đức Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Ba.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 49/2018/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp giữa các thành viên công ty liên quan đến việc thành lập, hoạt động công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1486/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân H (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TT 2, xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: 82 NQ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Sơn Nguyễn Ng (có mặt).

Địa chỉ: 181/61/8 PĐL, Phường 1, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 82 NQ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2018).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trang Sĩ X – Luật sư của Công ty Luật hợp danh Thiên Lộc, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Bùi Thị Quỳnh Nh (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cẩm S, xã XM, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Quốc Tr (có mặt).

Địa chỉ: Tô 57, thôn TL, xã KL, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10 Allandale Road, Kings Park, VIC 3021, Australia.

2. NLQ2.

Địa chỉ: Ấp 2 xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ2: Ông NLQ1 – Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của NLQ2 và ông NLQ1: Bà Nguyễn Thị Xuân H (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TT 2, xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018 và ngày 06/02/2018).

- Người kháng cáo: Bị đơn, bà Bùi Thị Quỳnh Nh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Xuân H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà H và bà Nh thỏa thuận góp vốn để chuyển nhượng phần vốn góp của ông NLQ1 và ông Nguyễn Hoàng N là sáng lập viên NLQ2 (NLQ2). Tổng trị giá chuyển nhượng là 2.200.000.000 đồng, trong đó, bà H góp 67% và bà Nh góp 33%. Thực hiện thỏa thuận, bà H đã thanh toán 2.200.000.000 đồng cho ông NLQ1 và ông N, đồng thời các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, cụ thể: Ông NLQ1 chuyển nhượng cho bà H 57% và ông N chuyển nhượng cho bà Nh 33% phần vốn góp của Công ty. Phần 10% của ông NLQ1 sẽ chuyển tiếp cho bà H sau. Ngày 10/11/2017, ông NLQ1 ủy quyền cho bà H được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi đối với phần vốn 10% của ông NLQ1. Tuy nhiên, bà Nh đã không thực hiện nghĩa vụ góp vốn 33% (tương đương với 726.000.000 đồng) theo thỏa thuận, không ký trên các giấy tờ liên quan để chuyển nhượng phần vốn 10% của ông NLQ1 cho bà H. Vì vậy, bà Nh đã vi phạm Điều lệ Công ty là không thực hiện nghĩa vụ góp vốn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xóa tư cách thành viên của bà Nh trong NLQ2.

*Bị đơn, bà Bùi Thị Quỳnh Nh trình bày:* Ngày 12/10/2017, bà Nh ký hợp đồng chuyển nhượng 100% phần vốn góp của ông N tại NLQ2, giá chuyển nhượng là 4.950.000.000 đồng. Bà đã thanh toán tiền cho ông N, được NLQ2 cấp giấy chứng nhận góp vốn. Trong khoảng thời gian này, bà H ký hợp đồng nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ông NLQ1. Ngay sau khi hoàn tất thủ tục thanh toán, ông N và NLQ2 đã tiến hành các thủ tục để đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó bà Nh là thành viên Công ty. Ngày 20/10/2017, ông N đã ký biên bản giao toàn bộ tài sản, hồ sơ pháp lý liên

quan đến dự án đang thực hiện của NLQ2 tại ấp 2, xã Xuân Đường, huyện CM và toàn bộ chìa khóa cho bà Nh trực tiếp quản lý. Trong thời gian bà Nh đang quản lý dự án, ngày 17/11/2017, bà H đã thuê người đến buộc bàn giao toàn bộ tài sản nhưng bà Nh không đồng ý và yêu cầu bà H phải họp Hội đồng thành viên để giải quyết nhưng bà H không tiến hành họp. Đến ngày 20/11/2017, bà H cho cắt điện toàn bộ dự án. Vì vậy, bà Nh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H do yêu cầu trên là không đúng pháp luật, xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nh.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông NLQ1 do bà Nguyễn Thị Xuân H là người đại diện hợp pháp trình bày:* Theo sự thỏa thuận giữa ông NLQ1, bà H, bà Nh và ông N thì ông NLQ1 sẽ chuyển nhượng cho bà H 67% và ông N chuyển nhượng cho bà Nh 33% phần vốn góp trong NLQ2. Tổng giá trị chuyển nhượng là 2.200.000.000 đồng. Tất cả chi phí chuyển nhượng do bà H thanh toán. Ông NLQ1 đã chuyển nhượng cho bà H 57% vốn góp, chỉ còn giữ 10% vốn trong Công ty. Theo thỏa thuận thì bà Nh phải trả tiền nhận chuyển nhượng vốn góp của ông N cho bà H tương đương với số tiền 726.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi hoàn tất việc chuyển nhượng trên cho đến nay, bà Nh không thực hiện nghĩa vụ góp vốn nên bà H đã khởi kiện yêu cầu xóa tư cách thành viên của bà Nh trong NLQ2. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông NLQ1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 do bà Nguyễn Thị Xuân H là người đại diện hợp pháp trình bày:* NLQ2 có tiếp nhận hai thành viên mới là bà H và bà Nh. Theo đó, thỏa thuận tỷ lệ góp vốn vào Công ty của bà H là 67% thay thế thành viên cũ là ông NLQ1 và bà Nh góp 33% vốn thay thế ông N nhưng việc chuyển nhượng vốn góp giữa bà H và ông NLQ1 chỉ mới hoàn tất được 57% vốn, ông NLQ1 còn giữ 10% vốn trong công ty, đồng thời là người đại diện theo pháp luật NLQ2. Do bà Nh không thực hiện các nghĩa vụ góp vốn trong NLQ2 nên bà H đã khởi kiện yêu cầu xóa tư cách thành viên của bà Nh. NLQ2 đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:***

Căn cứ Điều 30, Điều 37, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh không còn là thành viên của NLQ2.

NLQ2 có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2018, bà Bùi Thị Quỳnh Nh kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nh trình bày có nhận chuyển nhượng phần vốn góp 33% của ông N tại NLQ2, giá chuyển nhượng là 4.950.000.000 đồng, đã thanh toán cho ông N 2.600.000.000 đồng. Sau đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện phần vốn góp của bà Nh là 33% tại NLQ2. Bà Nh xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thanh toán 2.600.000.000 đồng cho ông N, đề nghị Tòa án hỏi ông N. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: Việc chuyển nhượng phần vốn góp của ông NLQ1, ông N tại NLQ2 theo thỏa thuận giữa ông N với bà H, giá chuyển nhượng là 2,2 tỷ đồng, bà H đã thanh toán 2,2 tỷ đồng, được ông N xác nhận. Toàn bộ số tiền trên do bà H bỏ ra. Trước đây, bà H và bà Nh là bạn bè nên có thỏa thuận để bà Nh đứng tên hộ 33% mua của ông N. Sau khi, NLQ2 được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 06/11/2017 thể hiện bà Nh có 33% vốn góp nhưng thực tế không có thật. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu xóa tư cách thành viên của bà Nh là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:* Bà H và bà Nh thỏa thuận góp vốn vào NLQ2 bằng việc bà H mua 67% phần vốn góp của ông NLQ1, bà Nh mua 33% phần vốn góp của ông N. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đã hoàn tất, trong đó bà H 57%, bà Nh 33% và ông NLQ1 10% vốn góp. Tuy nhiên, toàn bộ giá trị chuyển nhượng vốn góp của NLQ2 là 2,2 tỷ đồng do bà H đã thanh toán cho ông N. Bà Nh không thực hiện việc góp vốn quá 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xóa tư cách thành viên NLQ2 của bà Nh là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu xóa tư cách thành viên của NLQ2 đối với bà Nh. Ông NLQ1 cư trú tại số 10 Allandale Road, Kings Park, VIC 3021, Australia. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp giữa các thành viên công ty liên quan đến việc thành lập, hoạt động công ty” và giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nh kháng cáo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Bà H cho rằng đã trực tiếp mua và thanh toán 2,2 tỷ đồng cho ông N để mua toàn bộ phần vốn góp của ông NLQ1, ông N tại NLQ2. Việc bà Nh có tên thành viên góp vốn 33% nhưng thực tế không góp vốn trong thời hạn luật định nên không có tư cách thành viên Công ty. Trong khi đó, bà Nh cho rằng

việc chuyển nhượng 33% vốn góp của ông N là có thật, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai công nhận tư cách thành viên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H và kháng cáo của bà Nh, thấy rằng:

[2.2.1] NLQ2 được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000401 ngày 06/12/2013, đại diện theo pháp luật là ông NLQ1. NLQ2 có 02 thành viên sáng lập là ông NLQ1, góp là 67% vốn và ông Nguyễn Hoàng N, góp là 33% vốn. Ngày 21/10/2017, giữa bên nhận chuyển nhượng do bà H đại diện (Bên A) và bên chuyển nhượng do ông N đại diện (Bên B) đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của NLQ2, giá chuyển nhượng là 2,2 tỷ đồng. Bên A đã thanh toán cho bên B 1,5 tỷ đồng, số tiền 700.000.000 đồng còn lại sẽ thanh toán tiếp sau khi bên A nhận được Giấy ủy quyền sở hữu 10% vốn góp còn lại của ông NLQ1 cho bà H. Tại giấy nhận tiền ngày 25/10/2017 do ông N ghi (bút lục 88), có nội dung: “Tổng số tiền mà tôi đã nhận từ chị Hương là 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng). Số tiền này là để tôi và ông NLQ1 chuyển nhượng lại toàn bộ 100% cổ phần của NLQ2. Bà H đã thanh toán đầy đủ cho tôi và ông NLQ1, và chúng tôi chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà Bùi Thị Quỳnh Nh”. Như vậy, có căn cứ xác định bà H đã thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng của NLQ2 và phần vốn đã nhận chuyển nhượng của ông NLQ1, ông N thuộc sở hữu của bà H.

[2.2.2] Các bên đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp từ ông NLQ1 sang cho bà H là 57% và ông từ Nam sang bà Nh là 33%, 10% vốn góp còn lại của ông NLQ1. Tại Điều lệ NLQ2 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 06/11/2017 đã thể hiện thành viên góp vốn NLQ2 gồm ông NLQ1 (10%), bà H (57%) và bà Nh (33%), đại diện theo pháp luật của Công ty là ông NLQ1.

[2.2.3] Khoản 1 Điều 36 Luật Doanh nghiệp quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn như sau: Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây: ...b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Khoản 1, khoản 2 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp quy định về thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp như sau: Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty. Thành viên phải góp phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp... Tại khoản 3 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp quy định: Sau thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà vẫn có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì được xử lý như sau: a) Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty.

[2.2.4] Đối chiếu quy định nêu trên thì bà Nh không còn là thành viên của NLQ2 sau khi kết thúc thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép đăng ký

doanh nghiệp, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xóa tư cách thành viên của bà Nh trong NLQ2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Nh kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của bà Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Nh phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32, khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 48, khoản 1 Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bùi Thị Quỳnh Nh.
2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H:  
Bà Bùi Thị Quỳnh Nh không còn là thành viên của NLQ2.
4. NLQ2 có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.
5. Về án phí:
  - Án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Xuân H không phải chịu và được trả lại số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001209 ngày 18/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.
  - Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011483 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà Nh đã nộp xong.
6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 10 năm 2018)/.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự (4)
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Đức Phương**